

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19/2011/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2011

THÔNG TƯ

Hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với việc phát hành trái phiếu quốc tế của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 ngày 13 tháng 12 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 134/2005/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý vay và trả nợ nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 160/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Ngoại hối;

Căn cứ Nghị định số 53/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ về phát hành trái phiếu quốc tế;

Căn cứ Nghị định số 96/2008/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Chỉ thị số 1568/CT-TTg ngày 19 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thực hiện kết luận số 78-KL/TW ngày 26 tháng 7 năm 2010 của Bộ Chính trị.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là “Ngân hàng Nhà nước”) hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với việc vay nước ngoài của doanh nghiệp thông qua hình thức phát hành trái phiếu quốc tế không được Chính phủ bảo lãnh như sau:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về quản lý ngoại hối đối với việc thực hiện khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp thông qua hình thức phát hành trái phiếu quốc tế không được Chính phủ bảo lãnh ra thị trường tài chính quốc tế.

2. Đối tượng áp dụng của Thông tư là các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc phát hành trái phiếu quốc tế không được Chính phủ bảo lãnh ra thị trường tài chính quốc tế.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tổ chức tín dụng được phép là các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam được hoạt động ngoại hối và cung ứng dịch vụ ngoại hối theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Ngân hàng thương mại là doanh nghiệp nhà nước là ngân hàng thương mại được thành lập và hoạt động theo Luật các Tổ chức tín dụng, do Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ.

3. Khoản phát hành là khoản vay trung, dài hạn nước ngoài dưới hình thức phát hành trái phiếu quốc tế của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh.

4. Xác nhận hạn mức phát hành là văn bản của Ngân hàng Nhà nước xác nhận trị giá phát hành trái phiếu quốc tế của doanh nghiệp nằm trong tổng hạn mức vay thương mại nước ngoài của quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hàng năm.

5. Đăng ký khoản phát hành là việc doanh nghiệp thực hiện đăng ký với Ngân hàng Nhà nước khoản vay nước ngoài thông qua hình thức phát hành trái phiếu quốc tế.

6. Xác nhận đăng ký khoản phát hành là văn bản của Ngân hàng Nhà nước xác nhận việc doanh nghiệp đã thực hiện đăng ký khoản phát hành theo quy định tại Thông tư này.

7. Xác nhận đăng ký thay đổi khoản phát hành là văn bản của Ngân hàng Nhà nước xác nhận doanh nghiệp đã thực hiện đăng ký thay đổi khoản phát hành khi có sự thay đổi đối với các nội dung đã được Ngân hàng Nhà nước xác nhận tại văn bản xác nhận đăng ký.

8. Tài khoản vốn vay và trả nợ nước ngoài là tài khoản ngoại tệ doanh nghiệp mở tại một (01) tổ chức tín dụng được phép tại Việt Nam để thực hiện khoản vay nước ngoài thông qua hình thức phát hành trái phiếu quốc tế.

9. Đại diện bên cho vay là tổ chức đại diện cho các trái chủ nước ngoài về nghĩa vụ, quyền lợi và trách nhiệm thực hiện các nội dung liên quan đến trái phiếu do doanh nghiệp phát hành. Tùy theo cấu trúc của đợt phát hành, doanh nghiệp xác định đại diện bên cho vay (nếu có) và đăng ký với Ngân hàng Nhà nước trong hồ sơ đăng ký khoản phát hành.

Điều 3. Trách nhiệm của doanh nghiệp phát hành trái phiếu quốc tế

1. Tuân thủ các quy định về điều kiện phát hành, xây dựng đề án phát hành, trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt đề án phát hành, tổ chức phát hành và thực hiện các nội dung liên quan đến việc phát hành trái phiếu theo quy định của Chính phủ về phát hành trái phiếu quốc tế.

2. Chịu trách nhiệm về việc sử dụng hiệu quả nguồn vốn từ đợt phát hành theo đúng mục đích tại đề án phát hành trái phiếu quốc tế đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật. Doanh nghiệp có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán, quản lý ngoại hối, các quy định khác của pháp luật hiện hành và phù hợp với luật pháp quốc tế khi thực hiện phát hành trái phiếu quốc tế.

3. Mở và sử dụng 01 tài khoản vốn vay và trả nợ nước ngoài tại 01 tổ chức tín dụng được phép để thực hiện khoản vay nước ngoài thông qua phát hành trái phiếu quốc tế. Doanh nghiệp chỉ được rút vốn từ phát hành trái phiếu quốc tế để sử dụng cho các mục đích đã được phê duyệt tại đề án phát hành sau khi được Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký.

4. Trường hợp thực hiện chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, doanh nghiệp tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về trái phiếu chuyển đổi; đảm bảo quy định về tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài, các quy định về báo cáo, công bố thông tin và các quy định khác của pháp luật có liên quan; lập bảng tính toán về số tiền phải trả cho các trái chủ sau khi chuyển đổi; cam kết về tính chính xác so với hồ sơ đăng ký khoản phát hành đã được Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký và các quy định có liên quan về việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu để tổ chức tín dụng được phép biết và có cơ sở thực hiện việc chuyển tiền thanh toán trái phiếu.

Điều 4. Quyền mua ngoại tệ thanh toán trái phiếu quốc tế

Doanh nghiệp được quyền mua ngoại tệ tại tổ chức tín dụng được phép để thanh toán nợ gốc, lãi của trái phiếu và các loại phí liên quan đến khoản phát hành trên cơ sở xuất trình các chứng từ, văn bản chứng minh nhu cầu thanh toán theo quy định của tổ chức tín dụng được phép phù hợp với quy định hiện hành về quản lý ngoại hối.

Điều 5. Đề án phát hành trái phiếu quốc tế của Ngân hàng thương mại là doanh nghiệp nhà nước

Đề án phát hành trái phiếu quốc tế của ngân hàng thương mại là doanh nghiệp nhà nước phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận. Hồ sơ, thủ tục đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận đề án phát hành trái phiếu quốc tế của ngân hàng thương mại là doanh nghiệp nhà nước được thực hiện theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước về việc vay trung, dài hạn nước ngoài của ngân hàng thương mại là doanh nghiệp nhà nước.

Chương II

XÁC NHẬN HẠN MỨC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU QUỐC TẾ

Điều 6. Thời điểm đề nghị xác nhận hạn mức phát hành

1. Doanh nghiệp nhà nước là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước phải có ý kiến đồng ý của Bộ quản lý ngành trước khi đề nghị xác nhận hạn mức phát hành trái phiếu quốc tế.

2. Ngân hàng thương mại là doanh nghiệp nhà nước phải được Ngân hàng

Nhà nước chấp thuận đề án phát hành trái phiếu quốc tế trước khi đề nghị xác nhận hạn mức phát hành trái phiếu quốc tế.

3. Các doanh nghiệp không thuộc đối tượng nêu tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này thực hiện đề nghị xác nhận hạn mức phát hành sau khi đề án phát hành trái phiếu được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu vốn của doanh nghiệp phê duyệt theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hồ sơ đề nghị xác nhận hạn mức phát hành

1. Đối với ngân hàng thương mại là doanh nghiệp nhà nước, hồ sơ đề nghị xác nhận hạn mức bao gồm:

a) Đơn đề nghị xác nhận hạn mức phát hành trái phiếu quốc tế (theo Phụ lục 01 kèm theo Thông tư này);

b) Báo cáo về việc tuân thủ quy định hiện hành về tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng tại thời điểm đề nghị xác nhận hạn mức.

2. Đối với doanh nghiệp không phải là ngân hàng thương mại là doanh nghiệp nhà nước, hồ sơ đề nghị xác nhận hạn mức bao gồm:

a) Đơn đề nghị xác nhận hạn mức phát hành trái phiếu quốc tế (theo Phụ lục 01 kèm theo Thông tư này);

b) Hồ sơ pháp lý của doanh nghiệp: Bản sao được chứng thực từ bản chính Giấy phép thành lập doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật và các bản sửa đổi (nếu có);

c) Bản sao điều lệ doanh nghiệp;

d) Bản sao đề án phát hành trái phiếu quốc tế đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

đ) Bản sao quyết định phê duyệt đề án phát hành trái phiếu quốc tế của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu vốn của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

e) Bản sao được chứng thực từ bản chính văn bản đồng ý của Bộ quản lý ngành về đề án phát hành trái phiếu quốc tế của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp nhà nước là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước);

g) Bản sao được chứng thực từ bản chính văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành của pháp luật đối với các dự án đầu tư hoặc phương án đầu tư hoặc kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp sẽ thực hiện bằng nguồn vốn phát hành trái phiếu quốc tế;

h) Báo cáo về việc tuân thủ quy định hiện hành về tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng tại thời điểm đề nghị xác nhận hạn mức (áp dụng đối với doanh nghiệp là tổ chức tín dụng).

Điều 8. Thời gian thực hiện xác nhận hạn mức phát hành

Doanh nghiệp gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Ngân hàng Nhà nước 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 7 Thông tư này. Trong thời hạn tối đa 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ của doanh nghiệp, Ngân hàng Nhà nước phối hợp với Bộ Tài chính thực hiện việc xác nhận hạn mức phát hành của doanh nghiệp phát hành trái phiếu quốc tế. Trường hợp từ chối xác nhận hạn mức phát hành, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.

**Chương III
ĐĂNG KÝ KHOẢN PHÁT HÀNH****Điều 9. Hồ sơ đăng ký khoản phát hành**

1. Đơn đăng ký khoản phát hành trái phiếu quốc tế (theo Phụ lục 02 kèm theo Thông tư này).

2. Bản sao báo cáo thẩm định của Bộ Tài chính đối với đề án phát hành trái phiếu quốc tế của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp nhà nước).

3. Bản sao được chứng thực từ bản chính văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ đối với đề án phát hành trái phiếu quốc tế (đối với doanh nghiệp nhà nước).

4. Bản sao tiếng nước ngoài và bản dịch tiếng Việt đối với:

- a) Hợp đồng bảo lãnh phát hành hoặc hợp đồng mua bán trái phiếu;
- b) Hợp đồng quy định về tổ chức là đại diện bên cho vay (nếu có);
- c) Các thỏa thuận đại lý: đại lý tài chính và thanh toán, đại lý chuyển nhượng, đại lý ủy thác;
- d) Hợp đồng tư vấn phát hành.

5. Bản sao tiếng nước ngoài và bản dịch tiếng Việt các hợp đồng hoặc thỏa thuận khác (nếu có) mà doanh nghiệp ký với bên nước ngoài ràng buộc nghĩa vụ trả phí liên quan đến khoản phát hành của doanh nghiệp.

Điều 10. Quy trình thực hiện đăng ký khoản phát hành

1. Sau khi lựa chọn các tổ chức bảo lãnh phát hành, các đại lý và tư vấn pháp lý, doanh nghiệp gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Ngân hàng Nhà nước 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 9 Thông tư này để đăng ký khoản phát hành.

Đối với các tài liệu quy định tại Khoản 1, Khoản 4 và Khoản 5 Điều 9 Thông tư này, doanh nghiệp gửi các bản dự thảo lần cuối đã quy định chi tiết các điều kiện có liên quan của trái phiếu.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ đăng ký của doanh nghiệp theo Khoản 1 Điều này, trường hợp cần làm rõ, bổ sung hoặc chỉnh sửa nội dung có liên quan, Ngân hàng Nhà nước thông báo để doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ đăng ký khoản phát hành.

3. Khi thực hiện đợt phát hành, doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ đăng ký khoản phát hành trái phiếu với các tài liệu sau:

- a) Đơn đăng ký khoản phát hành với các thông tin đầy đủ về khoản vay;
- b) Bản sao tiếng nước ngoài và bản dịch tiếng Việt (có xác nhận của doanh nghiệp) của các tài liệu quy định tại Khoản 4 và Khoản 5 Điều 9 Thông tư này.

Điều 11. Thời gian xác nhận đăng ký khoản phát hành

1. Ngân hàng Nhà nước xem xét xác nhận đăng ký khoản phát hành trái phiếu quốc tế trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ với các trường hợp sau:

a) Các hợp đồng, thỏa thuận ký chính thức phù hợp với các dự thảo lần cuối đã gửi Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Khoản 1 Điều 10 Thông tư này.

b) Các hợp đồng, thỏa thuận ký chính thức có nội dung khác với các dự thảo lần cuối đã gửi Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Khoản 1 Điều 10 Thông tư này, song nội dung các hợp đồng, thỏa thuận ký chính thức vẫn đảm bảo không trái với quy định của pháp luật Việt Nam. Trường hợp này, doanh nghiệp cần có văn bản báo cáo rõ các nội dung liên quan gửi Ngân hàng Nhà nước.

2. Trường hợp không đáp ứng quy định tại Khoản 1 Điều này, trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước thông báo để doanh nghiệp bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ đăng ký khoản phát hành.

Điều 12. Sao gửi văn bản xác nhận đăng ký khoản phát hành

Ngân hàng Nhà nước sao gửi văn bản xác nhận đăng ký khoản phát hành của doanh nghiệp cho Bộ Tài chính để phối hợp theo dõi và quản lý hoạt động vay, trả nợ của doanh nghiệp thông qua hình thức phát hành trái phiếu quốc tế.

Chương IV

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI KHOẢN PHÁT HÀNH

Điều 13. Đăng ký thay đổi khoản phát hành

Trường hợp phát sinh thay đổi so với các nội dung được nêu tại văn bản xác nhận đăng ký khoản phát hành, doanh nghiệp có trách nhiệm đăng ký thay đổi với Ngân hàng Nhà nước trong thời gian 30 ngày làm việc kể từ ngày ký các thỏa thuận hoặc hợp đồng thay đổi và trước khi thực hiện nội dung thay đổi.

Điều 14. Hồ sơ đăng ký thay đổi khoản phát hành

1. Đơn đăng ký thay đổi khoản phát hành trái phiếu quốc tế (theo Phụ lục 03 kèm theo Thông tư này);

2. Bản sao tiếng nước ngoài và bản dịch tiếng Việt (có xác nhận của doanh nghiệp) các thỏa thuận hoặc hợp đồng thay đổi đã ký;

3. Ý kiến chấp thuận của cấp có thẩm quyền phê duyệt đề án phát hành trái phiếu quốc tế của doanh nghiệp nếu nội dung thay đổi chưa được đồng ý tại văn bản phê duyệt của cấp có thẩm quyền đối với đề án phát hành trái phiếu quốc tế của doanh nghiệp.

Điều 15. Thời gian xác nhận đăng ký thay đổi khoản phát hành

1. Doanh nghiệp gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Ngân hàng Nhà nước 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 14 Thông tư này. Trong thời hạn tối đa 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký thay đổi đầy đủ và hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản đồng ý hoặc từ chối xác nhận đăng ký thay đổi khoản phát hành. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.

2. Trường hợp cần thêm thông tin để có đủ cơ sở xác nhận hoặc từ chối xác nhận đăng ký thay đổi khoản phát hành, Ngân hàng Nhà nước thông báo cho doanh nghiệp biết trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ của doanh nghiệp.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG ĐƯỢC PHÉP

Điều 16. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng được phép

1. Mở tài khoản vốn vay và trả nợ nước ngoài cho doanh nghiệp phát hành trái phiếu quốc tế.

2. Thực hiện việc nhận tiền bán trái phiếu; chuyển tiền thanh toán phí phát hành trái phiếu và chuyển tiền thanh toán gốc, lãi trái phiếu của doanh nghiệp trên cơ sở văn bản của Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi khoản phát hành (nếu có), các thỏa thuận hoặc hợp đồng doanh nghiệp ký với các bên liên quan đến đợt phát hành trái phiếu quốc tế do doanh nghiệp xuất trình.

3. Thực hiện việc kiểm tra, đối chiếu các tài liệu liên quan, đảm bảo thực hiện đúng các giao dịch của khoản phát hành đã đăng ký, đăng ký thay đổi với Ngân hàng Nhà nước và phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Thống kê các giao dịch rút vốn, trả nợ phát sinh và số dư của khoản vay thông qua phát hành trái phiếu quốc tế của doanh nghiệp, thực hiện báo cáo Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Thông tư này.

5. Hướng dẫn các doanh nghiệp thực hiện đúng các quy định hiện hành về vay, trả nợ nước ngoài, quản lý ngoại hối đối với việc vay nước ngoài thông qua hình thức phát hành trái phiếu quốc tế, kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước trong trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

Chương VI **YÊU CẦU BÁO CÁO, CÔNG TÁC KIỂM TRA, XỬ LÝ VI PHẠM**

Điều 17. Chế độ báo cáo đối với doanh nghiệp

1. Ngay sau khi kết thúc đợt phát hành và nhận tiền bán trái phiếu, doanh nghiệp báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đợt phát hành, Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp có trụ sở chính và Bộ Tài chính về kết quả đợt phát hành.

2. Định kỳ hàng quý, hàng năm, doanh nghiệp có trách nhiệm báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính, sao gửi Ngân hàng Nhà nước tình hình thực hiện khoản phát hành trái phiếu quốc tế (theo Phụ lục 04 kèm theo Thông tư này). Thời hạn báo cáo như sau:

a) Đối với báo cáo quý: chậm nhất ngày 10 của tháng đầu tiên trong quý tiếp theo;

b) Đối với báo cáo năm: chậm nhất ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo.

3. Trường hợp đột xuất, doanh nghiệp phát hành trái phiếu quốc tế thực hiện báo cáo theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 18. Chế độ báo cáo đối với tổ chức tín dụng được phép

1. Định kỳ hàng tháng, hàng năm, tổ chức tín dụng được phép có trách nhiệm báo cáo Ngân hàng Nhà nước tình hình thực hiện khoản phát hành trái phiếu quốc tế của doanh nghiệp theo hoạt động trên tài khoản vốn vay và trả nợ nước ngoài mà doanh nghiệp mở tại tổ chức tín dụng (theo Phụ lục 05 kèm theo Thông tư này). Thời hạn báo cáo như sau:

a) Đối với báo cáo tháng: chậm nhất ngày 10 của tháng tiếp theo;

b) Đối với báo cáo năm: chậm nhất ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo.

2. Trường hợp đột xuất, tổ chức tín dụng được phép thực hiện báo cáo theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 19. Công tác kiểm tra, xử lý vi phạm

1. Khi cần thiết, Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan có liên quan tiến hành công tác kiểm tra tình hình thực hiện khoản vay thông qua phát hành trái phiếu quốc tế của doanh nghiệp, tình hình mở và thực hiện tài khoản vốn vay và trả nợ nước ngoài của tổ chức tín dụng được phép theo quy định tại Thông tư này. Các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng được phép được kiểm tra có trách nhiệm cung cấp văn bản, tài liệu cần thiết để việc kiểm tra được thực hiện kịp thời, hiệu quả.

2. Trường hợp xảy ra vi phạm các quy định tại Thông tư này, tùy theo mức độ vi phạm, doanh nghiệp, tổ chức tín dụng được phép sẽ bị xử phạt theo các quy định hiện hành về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng.

Chương VII **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 20. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 10 năm 2011.
2. Các khoản phát hành trái phiếu quốc tế của doanh nghiệp đã được Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký trước khi Thông tư này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện theo văn bản xác nhận đăng ký của Ngân hàng Nhà nước. Đối với các giao dịch phát sinh sau ngày Thông tư này có hiệu lực liên quan đến khoản phát hành đã được Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký, doanh nghiệp thực hiện theo các quy định của Thông tư này.

Điều 21. Tổ chức thực hiện

1. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng trong phạm vi chức năng của mình chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này.
2. Các Bộ, ngành, cơ quan quản lý của doanh nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ của mình phối hợp chỉ đạo thực hiện Thông tư này. Các doanh nghiệp, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này./.

THỐNG ĐỐC

Nguyễn Văn Bình

Phụ lục 01**TÊN DOANH NGHIỆP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Số:/.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc(V/v đề nghị xác nhận hạn
mức phát hành trái phiếu
quốc tế)**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN HẠN MỨC PHÁT HÀNH
TRÁI PHIẾU QUỐC TẾ**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ vào Thông tư số 19/2011/TT-NHNN ngày 24/8/2011 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với việc phát hành trái phiếu quốc tế của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh;

Căn cứ vào Đề án phát hành trái phiếu quốc tế đã được.....phê duyệt tại văn bản số.....ngày...../...../.....

[*Tên Doanh nghiệp phát hành*] đề nghị Ngân hàng Nhà nước xác nhận hạn mức phát hành trái phiếu quốc tế của doanh nghiệp như sau:

I. Thông tin về Bên đi vay (là doanh nghiệp phát hành trái phiếu quốc tế):

1. Tên doanh nghiệp:

2. Địa chỉ:

3. Điện thoại:

Fax:

4. Họ và tên người đại diện có thẩm quyền:

5. Quyết định thành lập (hoặc Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) số.....docấp ngày.....

6. Phạm vi hoạt động hợp pháp của doanh nghiệp:

7. Vốn điều lệ (hoặc vốn được cấp) của doanh nghiệp:

8. Loại hình doanh nghiệp (xác định theo các văn bản thành lập doanh nghiệp):

9. Tình hình dư nợ tại thời điểm hiện tại:

- Dư nợ vay ngắn hạn nước ngoài: (trong đó quá hạn:)

- Dư nợ vay ngắn hạn trong nước: (trong đó quá hạn:)

- Dư nợ vay trung, dài hạn nước ngoài: (trong đó quá hạn:)

- Dư nợ vay trung, dài hạn trong nước: (trong đó quá hạn:)

II. Thông tin về đề án phát hành trái phiếu quốc tế

1. Tổng trị giá phát hành:
2. Mục đích phát hành (nêu rõ từng dự án đầu tư hoặc phương án đầu tư hoặc kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp sẽ thực hiện bằng nguồn vốn phát hành; các văn bản phê duyệt có liên quan theo quy định của pháp luật):
3. Hình thức, loại tiền và thị trường phát hành:
4. Dự kiến thời điểm phát hành:
5. Các văn bản phê duyệt đề án phát hành:

III. Đề nghị

Trên cơ sở nội dung đề án phát hành trái phiếu quốc tế, [*Tên Doanh nghiệp phát hành*] kính đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét, xác nhận trị giá phát hành trái phiếu quốc tế của [*Tên Doanh nghiệp phát hành*] nằm trong tổng hạn mức vay thương mại nước ngoài của quốc gia năm.

[*Tên Doanh nghiệp phát hành*] cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành khi thực hiện việc vay vốn nước ngoài thông qua hình thức phát hành trái phiếu quốc tế.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT
(*Ký tên, đóng dấu*)

Phụ lục 02**TÊN DOANH NGHIỆP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

(V/v đăng ký khoản phát
hành trái phiếu quốc tế)**ĐƠN ĐĂNG KÝ KHOẢN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU QUỐC TẾ**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ vào Thông tư số 19/2011/TT-NHNN ngày 24/8/2011 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với việc phát hành trái phiếu quốc tế của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh;

Căn cứ vào Đề án phát hành trái phiếu quốc tế đã được..... phê duyệt tại văn bản số.....ngày...../...../.....

[*Tên Doanh nghiệp phát hành*] đăng ký với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về khoản phát hành trái phiếu quốc tế của Doanh nghiệp như sau:

**PHẦN THỨ NHẤT
THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****I. Thông tin về Bên đi vay (là doanh nghiệp phát hành trái phiếu quốc tế):**

1. Tên doanh nghiệp:
2. Địa chỉ:
3. Điện thoại: Fax:
4. Họ và tên Người đại diện có thẩm quyền:
5. Quyết định thành lập (hoặc Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy phép đăng ký kinh doanh...) số.....docấp ngày.....

II. Thông tin về Đại diện Bên cho vay (trường hợp doanh nghiệp lựa chọn cấu trúc phát hành có đơn vị đại diện các trái chủ nước ngoài)

1. Tên Đại diện Bên cho vay:
2. Địa chỉ:
3. Loại hình Đại diện Bên cho vay:

III. Thông tin về các Bên liên quan:

1. Tổ chức bảo lãnh phát hành (Ghi rõ tên, địa chỉ của từng Tổ chức bảo lãnh phát hành nếu có nhiều đơn vị cùng bảo lãnh phát hành):
2. Các Đại lý có liên quan (Ghi rõ tên, địa chỉ của từng Đại lý liên quan đến đợt phát hành như Đại lý Niêm yết, Đại lý ủy thác, Đại lý thanh toán, Đại lý chuyển nhượng, Tổ chức lưu ký và thanh toán bù trừ...)
3. Tổ chức tín dụng được phép
 - 3.1. Tên, địa chỉ TCTD được phép
 - 3.2. Số Tài khoản vốn vay và trả nợ nước ngoài mở tại TCTD được phép:
4. Các bên liên quan khác (ghi rõ tên, địa chỉ, liên quan)

PHẦN THỨ HAI THÔNG TIN VỀ ĐỀ ÁN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU QUỐC TẾ

1. Tổng trị giá phát hành:
2. Mục đích phát hành: (nêu rõ từng dự án đầu tư hoặc phương án đầu tư hoặc kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp sẽ thực hiện bằng nguồn vốn phát hành; các văn bản phê duyệt liên quan theo quy định của pháp luật):
3. Hình thức, loại tiền và thị trường phát hành:
4. Thời điểm phát hành.
5. Phương án sử dụng dòng tiền và hoàn trả nợ.
6. Các văn bản phê duyệt Đề án phát hành (nêu rõ các văn bản của Thủ tướng Chính phủ, Bộ chủ quản, Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc đại diện chủ sở hữu vốn phê duyệt theo quy định của pháp luật).

PHẦN THỨ BA THÔNG TIN VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH

1. Tổng số tiền phát hành:
 - 1.1. Bằng số:
 - 1.2. Bằng chữ:
2. Đồng tiền phát hành:
3. Ngày phát hành:
4. Thời hạn thanh toán trái phiếu:
5. Lãi suất:

6. Các loại phí liên quan đến Đợt phát hành (đề nghị nêu rõ tên từng loại phí, mức phí hoặc cách tính phí, ngày thanh toán hoặc kế hoạch thanh toán...):

7. Điều kiện bảo lãnh:

8. Điều kiện về chuyển đổi trái phiếu (nếu có):

8.1. Thời gian chuyển đổi:

8.2. Điều kiện chuyển đổi:

9. Kế hoạch thu tiền bán trái phiếu:

10. Kế hoạch thanh toán (gốc, lãi, phí) trái phiếu:

11. Các điều kiện khác (nếu có):

(Đối với từng mục trên, đề nghị nêu rõ các điều khoản tham chiếu tại các văn kiện có liên quan).

PHẦN THỨ TƯ CAM KẾT

1. Người ký tên dưới đây (đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp) cam kết chịu mọi trách nhiệm về sự chính xác của mọi thông tin ghi trong Đơn đăng ký khoản vay nước ngoài này và các tài liệu kèm theo trong Hồ sơ đăng ký khoản vay nước ngoài thông qua phát hành trái phiếu quốc tế của [*Tên Doanh nghiệp phát hành*].

2. [*Tên Doanh nghiệp phát hành*] cam kết tuân thủ các quy định tại Nghị định số 134/2005/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/11/2005 ban hành Quy chế quản lý vay và trả nợ nước ngoài; Nghị định số 160/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành pháp lệnh ngoại hối; Nghị định số 53/2009/NĐ-CP của Chính phủ về phát hành trái phiếu quốc tế, các văn bản hướng dẫn thực hiện các Nghị định và các quy định khác của pháp luật Việt Nam phù hợp với pháp luật quốc tế có liên quan trong quá trình thực hiện việc huy động vốn nước ngoài thông qua phát hành trái phiếu quốc tế.

[ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT]

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 03**TÊN DOANH NGHIỆP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

(V/v đăng ký thay đổi khoản
phát hành trái phiếu quốc tế)**ĐƠN ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI KHOẢN PHÁT HÀNH
TRÁI PHIẾU QUỐC TẾ**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ vào Thông tư số 19/2011/TT-NHNN ngày 24/8/2011 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với việc phát hành trái phiếu quốc tế của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh;

Căn cứ vào Đề án phát hành trái phiếu quốc tế đã được.....phê duyệt tại văn bản số.....ngày..../..../....;

Căn cứ vào hợp đồng, thỏa thuận sửa đổi ngày/...../.....;

[Tên Doanh nghiệp phát hành] đăng ký với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về nội dung thay đổi khoản vay nước ngoài thông qua phát hành trái phiếu quốc tế như sau:

I. BÊN PHÁT HÀNH:

1. Tên Doanh nghiệp:
2. Các văn bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận đăng ký, xác nhận đăng ký thay đổi khoản phát hành trái phiếu quốc tế của doanh nghiệp (ghi rõ số, ngày của tất cả các văn bản này):

II. NỘI DUNG THAY ĐỔI:

Đối với từng nội dung thay đổi, ghi rõ: (i) Nội dung được thỏa thuận hiện tại (đã được Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký); (ii) Nội dung thay đổi tương ứng; và (iii) Lý do thay đổi.

III. KIẾN NGHỊ:

[Tên Doanh nghiệp phát hành] đề nghị Ngân hàng Nhà nước xác nhận [Tên Doanh nghiệp phát hành] đã đăng ký thay đổi nội dung khoản phát hành trái phiếu quốc tế theo quy định hiện hành của pháp luật.

IV. CAM KẾT

1. Người ký tên dưới đây (đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp) cam kết chịu mọi trách nhiệm về sự chính xác của mọi thông tin ghi trong đơn đăng ký thay đổi khoản phát hành này và các tài liệu kèm theo trong hồ sơ đăng ký thay đổi khoản phát hành trái phiếu quốc tế của [*Tên Doanh nghiệp phát hành*].

2. [*Tên Doanh nghiệp phát hành*] cam kết tuân thủ các quy định tại Nghị định số 134/2005/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/11/2005 ban hành Quy chế quản lý vay và trả nợ nước ngoài; Nghị định số 160/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành pháp lệnh ngoại hối; Nghị định số 53/2009/NĐ-CP của Chính phủ về phát hành trái phiếu quốc tế, các văn bản hướng dẫn thực hiện các Nghị định và các quy định khác của pháp luật Việt Nam phù hợp với pháp luật quốc tế có liên quan trong quá trình thực hiện việc huy động vốn nước ngoài thông qua phát hành trái phiếu quốc tế.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT

(Ký tên, đóng dấu)

Tên Doanh nghiệp báo cáo
Địa chỉ, điện thoại, fax

Phụ lục 04

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KHOẢN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU QUỐC TẾ

**Kính gửi: - NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC TỈNH, THÀNH PHỐ... (NƠI DOANH NGHIỆP CÓ TRỤ SỞ CHÍNH)
- NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM (VỤ QUẢN LÝ NGOẠI HỒI)**

Đơn vị: nghìn nguyên tệ

STT	Số Tài khoản Nơi mở TK	Tổng trị giá phát hành	Thị trường niêm yết	Đồng tiền phát hành	SỐ DƯ ĐẦU KỲ		SỐ PHÁT SINH TRONG KỲ			SỐ DƯ CUỐI KỲ		KẾ HOẠCH TRẢ NỢ KỲ TỚI		
					Tổng số	Trong đó quá hạn nợ gốc	Số rút vốn trong kỳ	Số thanh toán		Tổng số	Trong đó quá hạn nợ gốc	Gốc	Lãi	
								Gốc	Lãi					Phí
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
Tổng Cộng (Quy nghìn USD)														

LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

KIỂM SOÁT

(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm
ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA DOANH NGHIỆP
(Ký tên, đóng dấu)

1. Đối tượng áp dụng: Áp dụng với doanh nghiệp (bao gồm cả TCTD) thực hiện vay nước ngoài trung, dài hạn thông qua phát hành trái phiếu quốc tế
2. Thời hạn gửi báo cáo: Chậm nhất ngày 10 tháng đầu tiên trong quý tiếp theo (đối với báo cáo quý) và chậm nhất ngày 31/01 năm tiếp theo (đối với báo cáo năm)
3. Kỳ báo cáo: Hàng quý, hàng năm
4. Hình thức báo cáo: Bảng văn bản

Hướng dẫn lập báo cáo:

- (2) Số Tài khoản vốn vay, trả nợ mở tại TCTD được phép (tên TCTD) để thực hiện khoản phát hành. Báo cáo theo từng khoản phát hành tương ứng với từng tài khoản mở tại TCTD
- (3) Tổng trị giá phát hành: Tổng số tiền phát hành trái phiếu
- (4) Thị trường mà doanh nghiệp đăng ký niêm yết trái phiếu quốc tế
- (5) Đồng tiền phát hành và trả nợ trái phiếu
- (6) Số dư đầu kỳ: Tổng dư nợ của trái phiếu tại thời điểm đầu kỳ báo cáo
- (7) Quá hạn: Tổng số nợ gốc quá hạn tại thời điểm đầu kỳ báo cáo
- (8) Số rút vốn trong kỳ báo cáo: Số tiền bán trái phiếu Doanh nghiệp thu về khi thực hiện đợt phát hành trái phiếu.
- (9), (10) Số trả nợ gốc, lãi trái phiếu trong kỳ báo cáo.
- (11) Số trả phí phát sinh trong kỳ báo cáo liên quan đến việc phát hành trái phiếu
- (12) Số dư cuối kỳ: Tổng dư nợ trái phiếu tại thời điểm cuối kỳ báo cáo.
- (13) Quá hạn: Tổng số nợ gốc quá hạn tại thời điểm cuối kỳ báo cáo
- (14), (15): Kế hoạch trả nợ gốc, lãi trái phiếu dự kiến phát sinh trong quý tiếp theo của quý báo cáo.

Mối liên hệ giữa các cột trong báo cáo:

Cột (12) = Cột (6) + Cột (8) - Cột (9)

Tên tổ chức tín dụng báo cáo
Địa chỉ, điện thoại, fax

Phụ lục 05

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VAY, TRẢ NỢ NƯỚC NGOÀI CỦA DOANH NGHIỆP
THÔNG QUA PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU QUỐC TẾ**

Kính gửi: NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM (VỤ QUẢN LÝ NGOẠI HỐI)

Đơn vị: 1000 USD

STT	Tên Doanh nghiệp phát hành	Số tài khoản thực hiện phát hành TPQT	Tổng trị giá phát hành		SỐ DƯ ĐẦU KỲ		SỐ PHÁT SINH TRONG KỲ			SỐ DƯ CUỐI KỲ		
			Nguyên tệ (Nghìn)	Quy USD (Nghìn)	Tổng số	Trong đó quá hạn nợ gốc	Số rút vốn trong kỳ	Số trả nợ			Tổng số	Trong đó quá hạn nợ gốc
								Gốc	Lãi	Phí		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
Tổng Cộng												

LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

KIỂM SOÁT

(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG
(Ký tên, đóng dấu)

1. Đối tượng áp dụng: Áp dụng với TCTD được phép nơi có doanh nghiệp mở tài khoản vốn vay, trả nợ nước ngoài để thực hiện khoản phát hành TPQT
2. Thời hạn gửi báo cáo: Chậm nhất ngày 10 của tháng tiếp theo (đối với báo cáo tháng) và chậm nhất ngày 31/01 năm tiếp theo (đối với báo cáo năm)
3. Kỳ báo cáo: Hàng tháng, hàng năm
4. Hình thức báo cáo: Bằng văn bản

Hướng dẫn lập báo cáo:

- (2) Tên doanh nghiệp sử dụng tài khoản vốn vay, trả nợ mở tại TCTD được phép để thực hiện khoản phát hành TPQT
- (3) Số tài khoản vốn vay, trả nợ nước ngoài doanh nghiệp mở tại TCTD được phép để thực hiện phát hành TPQT
- (4) Tổng trị giá khoản phát hành theo loại tiền được quy định tại Hợp đồng mua - bán trái phiếu
- (5) Tổng trị giá khoản phát hành được quy đổi theo đô la Mỹ theo tỷ giá tại ngày làm báo cáo
- (6) Số dư đầu kỳ: Tổng số dư nợ tại thời điểm đầu kỳ báo cáo
- (7): Tổng số nợ gốc quá hạn tại thời điểm đầu kỳ báo cáo,
- (8) Số rút vốn trong kỳ báo cáo
- (9) Số trả nợ gốc trong kỳ báo cáo.
- (10) Số trả nợ lãi trong kỳ báo cáo
- (11) Số trả phí trong kỳ báo cáo
- (12) Số dư cuối kỳ: Tổng dư nợ tại thời điểm cuối kỳ báo cáo
- (13) Số dư cuối kỳ: Tổng số dư nợ quá hạn tại thời điểm cuối kỳ báo cáo

Mối liên hệ giữa các cột trong báo cáo

Cột (12) = Cột (6) + Cột (8) - Cột (9)

CÔNG BÁO/Số 497 + 498/Ngày 09-9-2011

53